



Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/03/2019



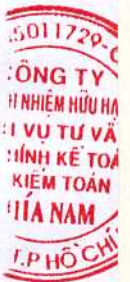
Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	06 - 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	08 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13 - 14
- Thuyết minh báo cáo tài chính	15 - 39



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công Ty Cổ Phần Kho Vận PeTec (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/03/2019.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Kho Vận Petec được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000331 lần đầu ngày 11/04/2007 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 số 3700791715 ngày 14 tháng 05 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 71.925.500.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/03/2019 : 71.925.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: dịch vụ đại lý vận tải đường biển);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (chi tiết: bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến);
- Xây dựng nhà các loại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ than đá);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn thực phẩm (chi tiết: bán buôn cà phê, chè, thủy sản);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết: cho thuê nhà xưởng, kinh doanh bất động sản. (thực hiện theo qui hoạch của tỉnh));
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán ô tô, xe máy;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (chi tiết: bán buôn sắt thép);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại thực vật, động vật hoang dã, gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến, thuộc Danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên qui định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác, sử dụng);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: bán buôn cao su);
- Bán buôn hàng may sẵn, giày dép (chi tiết: bán buôn hàng may mặc);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (chi tiết: hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: bán lẻ xăng dầu - không hoạt động tại địa điểm trụ sở chính);
- Bán buôn (qua);



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (chi tiết: bán buôn phân bón (trừ thuốc bảo vệ thực vật));
- Xây xát và sản xuất bột thô;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: chế biến cà phê các loại (không chế biến tại trụ sở chính, trụ sở chính chỉ làm văn phòng giao dịch));
- Dịch vụ đóng gói (trừ thuốc bảo vệ thực vật) (không đóng gói tại trụ sở chính, trụ sở chính chỉ làm văn phòng giao dịch);
- (Công ty phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện).

4. Mô hình hoạt động

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Kho Vận Petec - Chi nhánh TP. HCM	81/15 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP. HCM
Chi nhánh Công ty CP Kho Vận Petec - Chi nhánh Bình Dương	308/4 Đường ĐT747B, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương



II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/03/2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/03/2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Văn Lịch	Chủ tịch
Ông	Hoàng Minh Tuấn	Thành viên
Ông	Huỳnh Xuân Hồng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông	Huỳnh Xuân Hồng	Tổng Giám đốc
Ông	Lý Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông	Bùi Minh Hiệp	Trưởng ban
Ông	Hoàng Anh Tuấn	Thành viên
Ông	Vũ Anh Cường	Thành viên

Đại diện pháp luật

Ông	Huỳnh Xuân Hồng
-----	-----------------

Kế toán trưởng

Ông	Mai Huy Hoàng
-----	---------------

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2018, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bình Dương, ngày 12 tháng 06 năm 2019

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Huyền Xuân Hồng

Số : 53L/BCKT/TC/2019/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
của CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty Cổ Phần Kho Vận PeTec, được lập ngày 15/04/2019, từ trang 08 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/03/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận công nợ tại ngày 31/03/2019 của Công ty TNHH Công nghệ Cao SDS Hà Nội về khoản phải thu khách hàng với số dư là 899.946.106 đồng và khoản nhận ký quỹ ký cược với số dư là 1.149.949.106 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Kho Vận PeTec tại ngày 31/03/2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Tại ngày 31/03/2019, chỉ tiêu "Vốn chủ sở hữu" (mã số: 410) bị âm -11.948.792.884 đồng và dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh bị âm. Các chỉ số này phản ánh khả năng thanh khoản của Công ty đang ở mức thấp và có thể ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể cân đối được dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và phục vụ cho hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty bằng kết quả hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục tài trợ tài chính của các Cổ đông. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

TP. HCM ngày 17 tháng 6 năm 2019

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính



Lê Văn Tuấn

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0479-2018-142-1

Kiểm toán viên

Đặng Tùng Hưng

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 3611-2016-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.484.405.325	6.124.037.123
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	238.946.505	1.665.786.105
Tiền	111	V.1	238.946.505	1.665.786.105
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.572.605.653	4.192.646.922
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	10.008.414.087	10.816.019.139
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.038.264.545	9.969.122.545
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.084.866.467	937.392.144
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(17.558.939.446)	(17.544.308.444)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.5	-	14.421.518
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	580.526.187	182.104.728
Hàng tồn kho	141		580.526.187	182.104.728
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		92.326.980	83.499.368
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	77.494.366	68.666.754
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.13	14.832.614	14.832.614
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.526.403.144	40.169.006.275
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		151.000.000	91.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.4	151.000.000	91.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		31.073.047.842	32.710.925.169
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	14.945.301.345	16.165.830.048
- Nguyên giá	222		32.473.245.228	34.352.526.830
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.527.943.883)	(18.186.696.782)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	16.127.746.497	16.545.095.121
- Nguyên giá	228		18.562.280.139	18.562.280.139
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.434.533.642)	(2.017.185.018)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3	6.883.007.110	6.929.225.378
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.3	10.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.3	11.554.567.000	11.554.567.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.3	(14.671.559.890)	(14.625.341.622)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		419.348.192	437.855.728
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	419.348.192	437.855.728
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		43.010.808.469	46.293.043.398

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		54.959.601.353	59.433.823.951
I. Nợ ngắn hạn	310		50.163.885.710	55.499.462.427
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	7.014.497.361	7.823.056.192
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		68.428.302	385.718.302
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	207.363.965	80.481.147
Phải trả người lao động	314		53.822.775	57.481.076
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	271.705.727	443.408.618
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	902.260.000	180.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	6.396.259.580	6.455.408.392
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	35.249.548.000	40.073.908.700
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.795.715.643	3.934.361.524
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	V.15	4.795.715.643	3.934.361.524
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(11.948.792.884)	(13.140.780.553)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	(11.948.792.884)	(13.140.780.553)
Vốn góp của chủ sở hữu	411		71.925.500.000	71.925.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		71.925.500.000	71.925.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.929.061.690	1.929.061.690
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(85.803.354.574)	(86.995.342.243)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(86.995.342.243)	(82.481.497.450)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.191.987.669	(4.513.844.793)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		43.010.808.469	46.293.043.398

Người lập biểu



Vũ Xuân Hiền

Kế toán trưởng



Mai Huy Hoàng

Lập, ngày 15 tháng 04 năm 2019

Tổng Giám đốc



Huỳnh Xuân Hồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	118.033.383.802	102.357.433.289
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		118.033.383.802	102.357.433.289
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	108.139.605.749	97.511.959.505
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		9.893.778.053	4.845.473.784
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	21.437.234	6.304.352
Chi phí tài chính	22	VI.4	3.556.779.863	3.945.709.127
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.480.889.210	3.453.476.004
Chi phí bán hàng	25	VI.7	1.858.853.119	1.478.258.281
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	3.765.112.562	3.812.459.890
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		734.469.743	(4.384.648.962)
Thu nhập khác	31	VI.5	505.039.793	-
Chi phí khác	32	VI.6	47.521.867	129.195.831
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		457.517.926	(129.195.831)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.191.987.669	(4.513.844.793)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		1.191.987.669	(4.513.844.793)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	166	(628)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	166	(628)

Người lập biểu

Vũ Xuân Hiền

Kế toán trưởng

Mai Huy Hoàng

Lập, ngày 15 tháng 04 năm 2019

Tổng Giám đốc



Huỳnh Xuân Hồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.191.987.669	(4.513.844.793)
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.001.256.413	2.296.912.096
- Các khoản dự phòng	03		60.849.270	590.008.458
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		11.355.027	6.356.031
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(459.523.602)	(2.406.239)
- Chi phí lãi vay	06		3.480.889.210	3.453.476.004
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.286.813.987	1.830.501.557
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		546.163.685	550.109.454
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(398.421.459)	53.394.281
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		337.688.688	595.271.572
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		9.679.924	(469.149.673)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.480.889.210)	(3.453.476.004)
- Thuế TNDN đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(110.850.885)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.301.035.615	(1.004.199.698)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(625.843.146)	(677.043.139)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		719.018.181	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.969.481	2.406.239
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		96.144.516	(674.636.900)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		60.195.146.000	65.323.060.300
Tiền trả nợ gốc vay	34		(65.019.506.700)	(62.570.954.200)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.824.360.700)	2.752.106.100
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(1.427.180.569)	1.073.269.502
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.665.786.105	597.555.193
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		340.969	(5.039.190)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	V.1	238.946.505	1.665.786.105

Người lập biểu



Vũ Xuân Hiền

Kế toán trưởng



Mai Huy Hoàng

Lập, ngày 15 tháng 04 năm 2019

Tổng Giám đốc



Huỳnh Xuân Hồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Kho Vận Petec được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000331 lần đầu ngày 11/04/2007 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 số 3700791715 ngày 14 tháng 05 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 71.925.500.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/03/2019 : 71.925.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: dịch vụ đại lý vận tải đường biển);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (chi tiết: bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến);
- Xây dựng nhà các loại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ than đá);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn thực phẩm (chi tiết: bán buôn cà phê, chè, thủy sản);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết: cho thuê nhà xưởng, Kinh doanh bất động sản. (thực hiện theo qui hoạch của tỉnh));
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán ô tô, xe máy;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (chi tiết: bán buôn sắt thép);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại thực vật, động vật hoang dã, gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến, thuộc Danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên qui định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác, sử dụng);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: bán buôn cao su);
- Bán buôn hàng may sẵn, giày dép (chi tiết: bán buôn hàng may mặc);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (chi tiết: hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: bán lẻ xăng dầu - không hoạt động tại địa điểm trụ sở chính);
- Bán buôn gạo;



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2018

- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (chi tiết: bán buôn phân bón (trừ thuốc bảo vệ thực vật));
- Xây xát và sản xuất bột thô;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: chế biến cà phê các loại (không chế biến tại trụ sở chính, trụ sở chính chỉ làm văn phòng giao dịch));
- Dịch vụ đóng gói (trừ thuốc bảo vệ thực vật) (không đóng gói tại trụ sở chính, trụ sở chính chỉ làm văn phòng giao dịch).
- (Công ty phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện)

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Mô hình hoạt động

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Kho Vạn Petec - Chi nhánh TP.HCM	81/15 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP. HCM
Chi nhánh Công ty CP Kho Vạn Petec - Chi nhánh Bình Dương	308/4 Đường ĐT747B, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2018

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	08 năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác	41 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2018

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận tiền bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính nếu không có bằng chứng chắc chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2018

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2018

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp; doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định, các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	109.885.353	131.007.836
- Tiền gửi ngân hàng	129.061.152	1.534.778.269
+ Tiền gửi (VND)	104.280.455	1.511.993.823
+ Tiền gửi (USD)	24.746.693	22.750.442
+ Tiền gửi (EUR)	34.004	34.004
Cộng	238.946.505	1.665.786.105

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
2.1. Ngắn hạn		
Công ty TNHH TM Vạn Tài Xăng Dầu Hoàng Hải	407.716.607	607.506.223
Công ty TNHH TM Xăng Dầu Nhất Luân	1.629.900.000	1.629.900.000
DNTN Trạm Xăng Dầu Văn Loan	1.691.983.300	1.691.983.300
Công ty CP XNK Tấn Phát	1.417.420.000	1.417.420.000
Công ty CP TMDV Dầu Khí Mạnh Hồ	1.530.840.000	1.530.840.000
Công ty TNHH TM Ngọc Châu Minh	450.213.834	542.190.000
Công ty TNHH Hoàng Trung An	870.500.000	870.500.000
Công ty CP Coffee Vina	-	679.957.363
ANY TRIM ENTERPRISES	5.383.580	664.480.703
Đối tượng khác	2.004.456.766	1.181.241.570
Cộng	10.008.414.087	10.816.019.159

2.2. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư - Công ty Cổ Phần	18.017.775	18.017.775
Cộng	18.017.775	18.017.775

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	10.000.000.000	6.930.000.000	3.070.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Bất Động Sản và Kỹ Thuật Xăng Dầu	10.000.000.000	6.930.000.000	3.070.000.000	10.000.000.000
b. Đầu tư vào các đơn vị khác	11.554.567.000	7.741.559.890	3.294.162.000	11.554.567.000
Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư - Công ty Cổ Phần được trình bày tại Báo cáo kiểm toán do Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Kiểm Toán Phía Nam kiểm toán. Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư - Công ty Cổ Phần bắt đầu giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) vào ngày 05/11/2018, giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá trị giao dịch bình quân tại ngày 31/03/2019 (trường hợp không có giá trị giao dịch thì giá trị hợp lý được ghi nhận bằng giá trị gốc trừ đi khoản dự phòng).	11.554.567.000	7.741.559.890	3.294.162.000	11.554.567.000
Công ty Cổ Phần	11.554.567.000	7.741.559.890	3.294.162.000	11.554.567.000
Cộng	14.671.559.890	14.671.559.890	14.625.341.622	14.625.341.622

Ghi chú:

- Tình hình hoạt động trong năm tài chính 2018 của Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư - Công ty Cổ Phần được trình bày tại Báo cáo kiểm toán do Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Kiểm Toán Phía Nam kiểm toán. Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư - Công ty Cổ Phần bắt đầu giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) vào ngày 05/11/2018, giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá trị giao dịch bình quân tại ngày 31/03/2019 (trường hợp không có giá trị giao dịch thì giá trị hợp lý được ghi nhận bằng giá trị gốc trừ đi khoản dự phòng).
- Tình hình hoạt động trong năm tài chính 2018 của Công ty CP Bất Động Sản và Kỹ Thuật Xăng Dầu được trình bày tại báo cáo tài chính năm 2018 do Công Ty Cổ Phần Kho Vạn PeTec cung cấp và chưa được kiểm toán. Do Công ty CP Bất Động Sản và Kỹ Thuật Xăng Dầu chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán nên Công ty đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư này tại ngày 31/03/2019 bằng với giá trị ghi sổ (giá gốc trừ đi khoản dự phòng).
- Khoản đầu tư vào Công ty CP Bất Động Sản và Kỹ Thuật Xăng Dầu với số lượng 1.000.000 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/CP, tỷ lệ sở hữu là 26%.
- Khoản đầu tư vào Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư - Công ty Cổ Phần với số lượng 549.027 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/CP, tỷ lệ sở hữu là 0,21%.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
4.1. Ngắn hạn				
- Tạm ứng	69.153.800	-	117.668.941	-
+ Phạm Thông Minh	1.655.100	-	27.943.174	-
+ Phạm Huy Quang	-	-	25.000.000	-
+ Nguyễn Văn Bộ	50.000.000	-	-	-
+ Đối tượng khác	17.498.700	-	64.725.767	-
- Phải thu khác	1.015.712.667	35.042.589	819.723.203	35.042.589
+ DNTN Xăng Dầu Ngọc Diệp	750.000.000	-	750.000.000	-
+ Nguyễn Văn Quân	20.323.527	20.323.527	20.323.527	20.323.527
+ Phạm Tấn Thịnh	14.719.062	14.719.062	14.719.062	14.719.062
+ Nguyễn Đăng Chiến	33.000.000	-	33.000.000	-
+ Đối tượng khác	197.670.078	-	1.680.614	-
Cộng	1.084.866.467	35.042.589	937.392.144	35.042.589
4.2. Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	151.000.000	-	91.000.000	-
+ Nguyễn Đăng Chiến	66.000.000	-	66.000.000	-
+ Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên	25.000.000	-	25.000.000	-
+ Công ty TNHH TM Nguyễn Vũ	60.000.000	-	-	-
Cộng	151.000.000	-	91.000.000	-

**5 . TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Hàng hóa	-	-	-	14.421.518
A95 - xăng A5	-	-	538 lít	9.197.110
DO05 - Dầu DO 0,05%	-	-	406 lít	5.224.408
Cộng	-	-	-	14.421.518

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

6. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	17.581.725.949	-	17.581.725.949	-
<i>Chi tiết:</i>				
+ Công ty TNHH TM Xăng Dầu An An	173.200.000	-	173.200.000	-
+ Công ty CP TM DV Dầu Khí Mạnh Hồ	1.530.840.000	-	1.530.840.000	-
+ DNTN Trạm Xăng Dầu Văn Loan	1.691.983.300	-	1.691.983.300	-
+ Công ty TNHH TM Xăng Dầu Nhật Luân	1.629.900.000	-	1.629.900.000	-
+ Công ty CP XNK Tấn Phát	1.417.420.000	-	1.417.420.000	-
+ Công ty TNHH TM DV Cầu Đường Trương Hoàng Long	35.366.138	-	35.366.138	-
+ Công ty TNHH Hoàng Trung An	870.500.000	-	870.500.000	-
+ Công ty Đức Hòa	8.084.867	-	8.084.867	-
+ Nguyễn Văn Quân	20.323.527	-	20.323.527	-
+ Công ty TNHH MTV TM DV Vận Chuyên Đường Xanh	117.991.400	-	117.991.400	-
+ Công ty TNHH MTV Vận Tải Hải Nam	146.808.100	-	146.808.100	-
+ Phạm Tấn Thịnh	14.719.062	-	14.719.062	-
+ Công ty TNHH TM DV Nông Sản Bắc Hà	7.416.824.161	-	7.416.824.161	-
+ DNTN Xăng dầu Ngọc Diệp	73.155.010	-	73.155.010	-
+ Công ty TNHH Thanh Thủy	2.434.610.384	-	2.434.610.384	-
Cộng	17.581.725.949	-	17.581.725.949	-

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ, dụng cụ	4.865.000	-	-	-
- Hàng hóa	575.661.187	-	182.104.728	-
Cộng	580.526.187	-	182.104.728	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	27.753.759.457	3.296.648.579	2.989.373.810	200.205.669	112.539.315	34.352.526.830
Số tăng trong năm	216.752.237	409.090.909	-	-	-	625.843.146
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD CB hoàn thành	216.752.237	409.090.909	-	-	-	625.843.146
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	1.242.221.847	1.262.902.901	-	-	2.505.124.748
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.242.221.847	1.262.902.901	-	-	2.505.124.748
- Giảm khác (kiếm kê thiếu)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	27.970.511.694	2.463.517.641	1.726.470.909	200.205.669	112.539.315	32.473.245.228
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	13.066.855.291	3.069.583.430	1.737.513.077	200.205.669	112.539.315	18.186.696.782
Số tăng trong năm	1.231.872.783	139.916.526	212.118.480	-	-	1.583.907.789
- Khấu hao trong năm	1.231.872.783	139.916.526	212.118.480	-	-	1.583.907.789
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	1.098.434.581	1.144.226.107	-	-	2.242.660.688
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.098.434.581	1.144.226.107	-	-	2.242.660.688
- Giảm khác (kiếm kê thiếu)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	14.298.728.074	2.111.065.375	805.405.450	200.205.669	112.539.315	17.527.943.883
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	14.686.904.166	227.065.149	1.251.860.733	-	-	16.165.830.048
Tại ngày cuối năm	13.671.783.620	352.452.266	921.065.459	-	-	14.945.301.345

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

14.003.885.955

4.381.126.033

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	18.562.280.139	-	-	-	-	18.562.280.139
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ	-	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	18.562.280.139	-	-	-	-	18.562.280.139
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	2.017.185.018	-	-	-	-	2.017.185.018
Số tăng trong năm	417.348.624	-	-	-	-	417.348.624
- Khấu hao trong năm	417.348.624	-	-	-	-	417.348.624
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.434.533.642	-	-	-	-	2.434.533.642
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	16.545.095.121	-	-	-	-	16.545.095.121
Tại ngày cuối năm	16.127.746.497	-	-	-	-	16.127.746.497

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay :
 - Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng :
 :



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2018

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
10.1. Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm	62.014.497	43.533.000
- CCDC xuất dùng	1.974.244	-
- Chi phí sửa chữa	-	25.133.754
- Chi phí khác	13.505.625	-
Cộng	77.494.366	68.666.754
10.2. Dài hạn		
- CCDC xuất dùng	-	26.995.832
- Chi phí sửa chữa	208.538.192	106.861.496
- Chi phí môi giới	210.810.000	303.998.400
Cộng	419.348.192	437.855.728

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Ngắn hạn

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN quận 4	33.249.548.000	33.249.548.000	58.195.146.000	65.019.506.700	40.073.908.700	40.073.908.700
Đồng Thị Ánh Hồng	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-
Cộng	35.249.548.000	35.249.548.000	60.195.146.000	65.019.506.700	40.073.908.700	40.073.908.700

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số/ngày của hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
Hợp đồng số 0159/2018/HBTĐ-OCB-DN ngày 01/10/2018	Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN quận 4	12 tháng	Theo từng thời điểm	33.249.548.000	Cầm cố, thế chấp
Hợp đồng cho vay tiền ngày 20/02/2019	Đồng Thị Ánh Hồng	2 tháng	9,4%	2.000.000.000	Không
Cộng				35.249.548.000	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
12.1. Ngắn hạn				
Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư - Công ty Cổ Phần	5.933.991.184	5.933.991.184	6.978.598.894	6.978.598.894
Công ty TNHH DV Tổng Hợp Thành Đạt Long	-	-	72.494.434	72.494.434
Công ty TNHH MTV Cà Phê Tuần Lộc	-	-	20.160.000	20.160.000
Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên	1.080.506.177	1.080.506.177	624.213.484	624.213.484
Đối tượng khác	-	-	127.589.380	127.589.380
Cộng	7.014.497.361	7.014.497.361	7.823.056.192	7.823.056.192
12.2. Phải trả người bán là các bên liên quan				
Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư - Công ty Cổ Phần	5.933.991.184	5.933.991.184	6.978.598.894	6.978.598.894

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	57.182.187	11.386.102.482	11.260.456.224	182.828.445
+ Được khấu trừ	-	10.424.374.017	10.424.374.017	-
+ Phải nộp	57.182.187	961.728.465	836.082.207	182.828.445
Thuế thu nhập cá nhân	23.298.960	169.526.806	168.290.246	24.535.520
Thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	80.481.147	11.560.629.288	11.433.746.470	207.363.965

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Chi phí môi giới cho thuê kho	-	211.818.240
- Chi phí vận chuyển	35.000.000	23.200.000
- Chi phí thuê cửa hàng xăng dầu	57.272.727	-
- Chi phí khác	179.433.000	208.390.378
Cộng	271.705.727	443.408.618

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
15.1. Ngắn hạn		
- KPCĐ	44.288.286	55.453.026
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	40.000.000	40.000.000
+ Công ty TNHH Phước Sơn	40.000.000	40.000.000
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	6.192.454.669	6.192.454.669
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	119.516.625	167.500.697
+ Ban Giải Phóng Mặt Bằng - CHXD 1	119.065.350	119.065.350
+ Đối tượng khác	451.275	48.435.347
Cộng	6.396.259.580	6.455.408.392
15.2. Dài hạn		
- Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	4.795.715.643	3.934.361.524
+ Công ty CP Coffee Vina	16.880.637	699.840.000
+ Công ty TNHH Công nghệ Cao SDS Hà Nội	1.149.946.106	1.521.300.000
+ Công ty TNHH INDO,- TRANS KEPPEL Logistics Việt Nam	272.880.000	272.880.000
+ Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ	-	290.000.000
+ Công ty TNHH Thép H-U Việt Nam	-	380.000.000
+ Công ty CP Sợi Ngọc Anh	166.666.500	55.555.500
+ Công ty TNHH SX TM DV Tân Tường Khang	538.000.000	538.000.000
+ Any Trim Enterprises	-	176.786.024
+ Công ty TNHH GRS Logistics Services	876.000.000	-
+ Công ty CP Bao bì Nông sản Miền Nam	948.236.400	-
+ Công ty TNHH TM&DV Hà Thanh Sơn - CN Bình Dương	827.106.000	-
Cộng	4.795.715.643	3.934.361.524

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn		
- Doanh thu cho thuê kho	902.260.000	180.000.000
Cộng	902.260.000	180.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	71.925.500.000	-	1.929.061.690	-	-	(82.481.497.450)	(8.626.935.760)
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	(4.513.844.793)	(4.513.844.793)
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	71.925.500.000	-	1.929.061.690	-	-	(86.995.342.243)	(13.140.780.553)
Số dư đầu năm nay							
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	1.191.987.669	1.191.987.669
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	71.925.500.000	-	1.929.061.690	-	-	(85.803.354.574)	(11.948.792.884)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

17.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Pháp nhân	39.000.000.000	39.000.000.000
- Thẻ nhân	32.925.500.000	32.925.500.000
Cộng	71.925.500.000	71.925.500.000

17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	71.925.500.000	71.925.500.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	71.925.500.000	71.925.500.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

17.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.192.550	7.192.550
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.192.550	7.192.550
+ Cổ phiếu phổ thông	7.192.550	7.192.550
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

17.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.929.061.690	1.929.061.690
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	1.068,51	999,58
- EUR	1,22	1,22

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**Doanh thu**

- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm
- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Cộng

Năm nay	Năm trước
96.825.577.222	88.053.147.527
21.207.806.580	14.304.285.762
118.033.383.802	102.357.433.289

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp

Cộng

Năm nay	Năm trước
95.352.189.014	86.872.139.995
12.787.416.735	10.639.819.510
108.139.605.749	97.511.959.505

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

Cộng

Năm nay	Năm trước
2.969.481	2.406.239
18.467.753	3.898.313
21.437.234	6.304.552

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư

Cộng

Năm nay	Năm trước
3.480.889.210	3.453.476.004
18.317.358	1.885.989
11.355.027	6.356.031
46.218.268	483.991.103
3.556.779.863	3.945.709.127

5. THU NHẬP KHÁC

- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các khoản khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
456.554.121	-
48.485.672	-
505.039.793	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

6. CHI PHÍ KHÁC

- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các khoản bị phạt
- Các khoản khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
-	-
39.812.368	122.045.831
7.709.499	7.150.000
47.521.867	129.195.831

7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**7.1. Chi phí bán hàng**

- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Các khoản chi phí bán hàng khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
778.170.250	776.192.350
78.344.268	91.995.731
256.831.479	44.426.605
745.507.122	565.643.895
1.858.853.119	1.478.258.281

7.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí công cụ, dụng cụ
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi
- Các khoản chi phí QLDN khác

Cộng

9.871.210	9.871.210
2.514.766.050	1.991.639.786
98.678.484	28.087.079
264.927.274	257.000.000
14.631.002	14.631.002
862.238.542	1.535.733.025
3.765.112.562	3.812.459.890

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
58.191.996	88.021.649
6.169.292.033	5.736.231.232
2.001.256.413	2.296.912.096
7.387.418.761	5.354.111.473
2.795.223.213	2.597.691.793
18.411.382.416	16.072.968.243

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay

Cộng

Năm nay	Năm trước
-	-
-	-
-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.191.987.669	(4.513.844.793)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	2.285.088.004	134.270.362
Chi phí phạt	39.812.368	122.045.831
Chi phí không hợp lệ	7.709.499	7.150.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (tiền, các khoản phải thu)	-	5.074.531
Chi phí lãi vay không được trừ	2.237.566.137	
+ Các khoản điều chỉnh giảm	1.094.398	676.298
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (tiền, các khoản phải thu)	1.094.398	676.298
- Chuyển lỗ các năm trước	3.475.981.275	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	-	(4.380.250.729)
- Thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	-	-
+ Thuế TNDN được miễn, giảm	-	-

10 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	1.191.987.669	(4.513.844.793)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.192.550	7.192.550
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	166	(628)

11 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	1.191.987.669	(4.513.844.793)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.192.550	7.192.550
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	166	(628)

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- 1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: không có
- 2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	60.195.146.000
4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	65.019.506.700

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- 1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có
- 2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có
- 3 . Thông tin về các bên liên quan

3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư - Công ty Cổ Phần	Cổ đông
Công ty CP Bất Động Sản và Kỹ Thuật Xăng Dầu	Cổ đông
Công ty CP Cà Phê Petec	Công ty con của Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư - Công ty Cổ Phần

**3.2. Giao dịch với bên có liên quan**

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư - Công ty Cổ Phần	Thanh toán cổ tức bằng cần trừ công nợ	-	264.000.000
	Mua hàng	14.397.720.000	12.886.426.800

- Tại ngày kết thúc năm tài chính, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư - Công ty Cổ Phần	Phải thu khách hàng	18.017.775	18.017.775
	Phải trả người bán	5.933.991.184	6.978.598.894
	Phải trả tiền cổ tức	1.974.000.000	1.974.000.000
Công ty CP Bất Động Sản và Kỹ Thuật Xăng Dầu	Phải trả tiền cổ tức	2.240.000.000	2.240.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

4. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại ngày 31/03/2019, chỉ tiêu "Vốn chủ sở hữu" (mã số: 410) bị âm -11.948.792.884 đồng và dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh bị âm. Các chỉ số này phản ánh khả năng thanh khoản của Công ty đang ở mức thấp và có thể ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể cân đối được dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và phục vụ cho hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty bằng kết quả hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục tài trợ tài chính của các Cổ đông.

5. SỐ LIỆU SO SÁNH

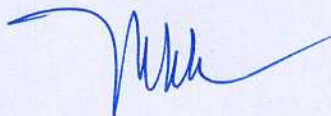
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2018 đã được Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Kiểm Toán Phía Nam kiểm toán.

Người lập biểu



Vũ Xuân Hiền

Kế toán trưởng



Mai Huy Hoàng

Lập, ngày 15 tháng 04 năm 2019

Tổng Giám đốc



Huỳnh Xuân Hồng